

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/DS-PT

Ngày: 16/5/2022

Về việc “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Thẩm phán : Ông Cao Minh Lễ

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Nguyễn Mỹ Duyên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2022/TLPT-DS ngày 01/3/2022 về “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do Bản án số 01/2022/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐ-PT ngày 07/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2022/QĐ-PT ngày 24/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1977 (có mặt);

1.2. Chị Phan Thị D, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1963 (có mặt);

2.2. Chị Huỳnh Thị Thu B, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị Thu B: anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1963 (Giấy ủy quyền được chứng thực số 115 ngày 01/12/2020).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Thành V, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

3.2. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L1, xã H1, huyện, tỉnh An Giang.

3.3. Bà Trần Thị T, sinh năm 1947 (có đơn xin vắng mặt);

3.4. Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1977, chị Dương Thị Nho, sinh năm 1983 (vợ anh T1) (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp H, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

3.5. Nguyễn Duy K, sinh năm 1999 (đơn có đơn xin vắng mặt);

3.6. Nguyễn Duy K1, sinh năm 2002 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

3.7. Ủy ban nhân dân huyện P.

Địa chỉ: ấp Trung 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ủy ban: ông Phạm Hoài P1, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, tỉnh An Giang theo Giấy ủy quyền số 31/GUQ-UBND ngày 14/7/2021 (ông P1 có đơn xin vắng mặt).

Người kháng cáo: ông Nguyễn Thành Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Thành N, chị Phan Thị D trình bày:* anh chị có diện tích 743,6m² loại đất ở nông thôn, thuộc thửa số 211, tờ bản đồ số 19 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số vào sổ cấp giấy H02671C ngày 20/12/2005 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang cấp cho anh chị đứng tên.

Nguồn gốc đất của cha mẹ (cha Nguyễn Văn Lập, chết 2006, mẹ Nguyễn Thị Dân, chết năm 2008. Cha mẹ có 04 người con: Nguyễn Thành Đ (là bị đơn), Nguyễn Thành V, Nguyễn Thị M và Nguyễn Thành N (là nguyên đơn), trước đây cha mẹ có giấy tờ gì không thì anh chị không biết. Trên đất có căn nhà sàn gỗ của cha mẹ, anh N là con trai út sống chung từ nhỏ đến khi cha mẹ chết, phía trước nhà

giáp đường giao thông là đất trống. Năm 2005 Nhà nước đo đại trà cấp giấy đỏ, lúc này anh N đã cưới chị D (cưới năm 1999), cha là ông Lập làm thủ tục cho anh chị đứng tên, nên anh chị đứng tên giấy đỏ. Anh chị xác định cha mẹ cho đất vợ chồng, việc cho đất không làm giấy tờ, chỉ nói miệng. Hiện nay anh chị vẫn ở căn nhà cha mẹ cùng với hai con (Nguyễn Duy K, Nguyễn Duy K1), nhà cha mẹ là phủ thờ để thờ cúng ông bà, cha mẹ.

Không nhớ thời gian nào anh Đ (anh ruột anh N) hỏi anh chị cho đào ao nuôi cá (phía sau giáp nhà bà Trần Thị T), diện tích không biết, là anh em ruột nên anh Đ muốn đào ao bao nhiêu cũng được. Anh Đ nuôi cá khoảng 02 năm thì không nuôi nữa, sau đó anh Đ cho anh chị biết cho người khác mướn ao nuôi cá (không biết tên người mướn), anh Đ cho mướn 02 năm thì không cho mướn nữa và ao bỏ trống đến nay. Việc này chỉ nói miệng, không có giấy tờ, không ai khác chứng kiến.

Năm 2007 anh Đ hỏi anh chị cho cất nhà ở cấp IV trên đất trống phía trước nhà cha mẹ giáp đường giao thông, khi nào có chỗ ở khác sẽ trả nền đất lại, chỉ nói miệng không có làm giấy tờ và không ai biết, vì anh Đ có nền nhà dưới mé sông nhưng Nhà nước không cho cất nhà. Diện tích anh Đ cất nhà ngang 5m dài 16m = 80m². Năm 2017 anh Đ cất nhà mới chỗ khác thuộc K16 gia đình về ở nhà mới, còn căn nhà cũ trên đất anh chị thì đóng cửa, anh Đ không di dời trả đất. Nay, anh chị yêu cầu anh Đ di dời nhà để trả đất, nhưng anh Đ không di dời mà nói thương lượng giá trị căn nhà để giao nhà cho anh chị sở hữu, anh Đ không nói giá trị bao nhiêu.

Ngày 11/6/2021 anh chị có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị Thu B di dời nhà trả lại diện tích 68,9m², vì theo đo đạc đất tranh chấp diện tích 80,2m², trong đó một phần nhà anh Đ nằm trên đất chỉ có 68,9m², còn lại 11,3m² nằm ngoài GCNQSDĐ của anh chị thuộc đường giao thông Nhà nước quản lý.

Anh chị yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị Thu B di dời nhà trả đất diện tích 68,9m², nếu giao căn nhà cấp IV của anh Đ cho anh chị được quyền sở hữu thì anh chị đồng ý hoàn giá trị 190.000.000đ (trong đó giá trị căn nhà 150.000.000đ, chi phí đổ nền đất 40.000.000đ), đây là giá trị do anh Đ đưa ra.

** Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Thành Đ (cùng đại diện chị Huỳnh Thị Thu B là đồng bị đơn) trình bày: năm 1997 anh hỏi cha ruột (Nguyễn Văn Lập chết năm 2006) cất nhà kho ngang 5m dài 16m trên đất của cha mẹ là đất trống (phía trước nhà cha mẹ) giáp đường giao thông (phần nền nhà hiện nay nguyên đơn tranh chấp) để chứa vật liệu xây dựng. Anh đào đất phía sau nhà cha mẹ (nằm trong diện tích 743,6m² N, D đứng tên) giáp nhà bà Trần Thị T để lấy đất đổ nâng nền ngang 7m dài hơn 40m, trong đó có nền nhà kho, còn lại*

là đất trống. Chỗ đào đất thành ao ngang 10m, dài 20m, cao 2,5m, anh nuôi cá khoảng hơn 02 năm không hiệu quả nên không nuôi nữa, bỏ ao trống, khoảng năm 2000 anh cho người khác mượn nuôi cá khoảng 01 năm cũng không hiệu quả và họ trả ao tiếp tục bỏ trống đến nay.

Năm 2007 anh nói cho chị D biết (trước đây anh khai trao đổi với N là em ruột) phá bỏ nhà kho xây lại nhà ở tại vị trí nhà kho, anh cất căn nhà cấp IV ngang 4,9m dài 16m, sau này có nhà khác thì nhà này làm nhà kho. Anh trao đổi bằng miệng với chị D, không làm giấy tờ, chứ không phải anh hỏi chị D cho ở nhờ trên đất của N + D. Nhưng anh không tranh chấp nền đất có nhà của anh theo đo đạc thực tế là 80,2m². Năm 2017 anh cất nhà mới thuộc K16, cách nhà cũ khoảng 200m (thuộc ấp H, xã L, huyện P) và gia đình về nhà mới ở đến nay, nhà cũ đóng cửa.

Vợ chồng N, D yêu cầu anh di dời nhà (nhà cũ) trả đất, anh không thể di dời, vì nhà cấp IV có kết cấu xây gạch, nền lót gạch men, mái lợp tol, nếu di dời thì phải đập bỏ, nên anh giao nhà cho vợ chồng N được quyền sở hữu và phải trả lại giá trị. Theo hội đồng định giá căn nhà khoảng 230.000.000đ tùy Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không có yêu cầu khác.

Anh xác định lại nền nhà theo đo đạc 80,2m² (trong đó một phần căn nhà 68,9m² nằm trong GCNQSDĐ N + D đứng tên, còn một phần căn nhà 11,3m² nằm ngoài GCNQSDĐ của N + D thuộc đường giao thông thuộc Nhà nước quản lý) là của cha mẹ cho anh khoảng năm 2001, việc cho đất chỉ nói bằng miệng, ngoài anh và cha Lập không có ai khác chứng kiến. Nếu nguyên đơn được sở hữu căn nhà thì hoàn giá trị cho anh 190.000.000đ, trong đó trị giá căn nhà 150.000.000đ, tiền chi phí đổ đất nền nhà 40.000.000đ.

Tại Biên bản đối chất và Biên bản hòa giải cùng ngày 07/12/2021 của Tòa án, anh Đ trình bày diện tích 743,6m², trong đó khoảng 290m² của cha mẹ, còn lại 453,6m² anh sang nhượng của ông Trương Văn Chỏi, vợ chồng N phải trả cho anh. Trên diện tích 290m² có căn nhà cấp IV của anh xây cất năm 2007 diện tích căn nhà theo đo đạc là 80,2m² (trong đó một phần căn nhà 68,9m² nằm trong GCNQSDĐ N + D đứng tên, còn một phần căn nhà 11,3m² nằm ngoài GCNQSDĐ của N + D). Lúc cha Lập còn sống, năm 1997 chia đất ruộng cho các con, phần anh được chia 7000m² gồm nhiều mảnh, khoảng năm 1999 anh đăng ký quyền sử dụng đất đo các mảnh đất không đủ 7000m² chỉ có 6740m² anh cũng đồng ý, chưa được cấp giấy, năm 2000 cha Lập nói với anh đã có nền đất cất nhà (tức là nền đất cất nhà cấp IV 80,2m²) thì diện tích đất ruộng giảm lại từ 7000m² còn 5000m², năm 2001 anh đứng tên giấy đo 6740m², nhưng đất thực tế canh tác là 5000m², còn 1740m² hiện nay vợ chồng anh N, chị D canh tác. Việc này anh không có chứng cứ

chứng minh, vì lúc cha Lập nói với anh chỉ có hai cha con, ngoài ra không có giấy tờ và không ai khác chứng kiến.

Trước đây tại Tòa án nhiều lần (tại Biên bản hòa giải ngày 10/12/2020 và Biên bản hòa giải ngày 11/6/2021) anh đều khai “*diện tích 743,6m² trong đó có một phần của cha mẹ đã cho N khoảng 290m², trên diện tích 290m² có căn nhà cấp IV của anh nêu trên, anh không xác định được đất còn chủ quyền của cha mẹ hay đã thuộc quyền sử dụng của vợ chồng N, D*”. Do anh hiểu biết chưa tới nên khai như vậy.

Tại phiên tòa anh Đ trình bày, năm 2007 cất nhà cấp IV sống cùng nhà có 04 con trai (Nguyễn Thanh Tú; sinh năm 1980; Nguyễn Thanh Tú Em, sinh năm 1983; Nguyễn Trung Tín, sinh năm 1987 và Nguyễn Trung Tiến, sinh năm 1990). Từ năm 2017 đến nay chỉ có Tiến sống cùng nhà với vợ chồng, còn Tú, Tú Em và Tín có nhà riêng sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh xác định nền đất có căn nhà cấp IV diện tích 80,2m² là của cha mẹ cho anh (trong đó có 11,3m² nằm ngoài GCNQSDĐ của nguyên đơn), anh không đồng ý di dời nhà trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn. Căn nhà thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh, nếu giao nhà cho anh N, chị D được quyền sở hữu thì hoàn giá trị cho anh, nhưng không đồng ý giá 190.000.000đ như trình bày trên, mà theo giá trị của hội đồng định giá. Anh không tranh chấp đất với nguyên đơn và không có yêu cầu gì khác.

Trong thời gian Hội đồng xét xử nghị án, ngày 31/12/2021 anh Nguyễn Trung Tiến (con anh Đ) cung cấp cho Tòa án Giấy cam kết (không ngày tháng năm, được chứng thực số 4928 quyền số 01-SCT/CK,ĐC ngày 25/12/2021) của anh Nguyễn Thanh Tú Em, Nguyễn Trung Tín và Nguyễn Trung Tiến, Tờ tường trình ngày 25/12/2021 của Nguyễn Thanh Tú. Theo đó anh Tú Em, Tín và Tiến đều xác định căn nhà, đất tranh chấp là tài sản của cha mẹ. (anh Đ, chị B). Riêng anh Tú trình bày lúc xây nhà anh có đưa 05 chỉ vàng 9999 để phụ anh Đ xây nhà và xây nhà cũng để cưới vợ cho anh, năm 2010 anh Đ có đưa lại 03 chỉ vàng 24 9999, còn lại 02 chỉ anh Tú yêu cầu Tòa án tuyên hoàn lại cho anh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Tại Đơn xin vắng mặt ngày 24/3/2021 anh Nguyễn Thành V trình bày: diện tích 743,6m² của cha mẹ đã cho vợ chồng N, D và N, D đứng tên GCNQSDĐ đã thuộc quyền sử dụng của N, D. Anh không có yêu cầu gì và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Tại Tờ tự khai ngày 11/5/2021 chị Nguyễn Thị M trình bày: việc tranh chấp giữa vợ chồng anh N và vợ chồng anh Đ chị không có ý kiến và cũng không có yêu cầu về vụ án này, chị đề nghị xét xử vắng mặt

- Tại bản tự khai ngày 24/3/2021 của bà Đặng Thị T trình bày: theo đo đạc một phần nhà của bà qua đất anh N $7,2m^2$, khi nào anh N yêu cầu bà sẽ trả lại. Bà không có yêu cầu gì và đề nghị xét xử vắng mặt

- Tại Bản tự khai ngày 24/3/2021 của anh Nguyễn Thanh T1, chị Dương Thị Nho trình bày: theo sơ đồ hiện trạng khu đất thì một phần nhà của anh chị là $11,3m^2$ qua đất của anh N, khi nào anh chị sửa chữa nhà sẽ thỏa thuận di dời trả đất cho anh N. Anh chị không có yêu cầu gì và đề nghị xét xử vắng mặt

- Tại văn bản số 2271/UBND-TNMT ngày 14/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện P và Đơn xin vắng mặt ngày 20/12/2021 của ông Phạm Hoài P1 (đại diện ủy ban huyện) trình bày: diện tích $32,1m^2$ thể hiện tại các điểm M1, M2, 11, 14 (trong đó có phần diện tích $11,3m^2$ thể hiện tại các điểm 12, 13, 44, 45) theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 13/4/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh P chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân hay tổ chức nào và phần diện tích này thuộc trường hợp được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai. Ông P1 đề nghị xét xử vắng mặt.

- Tại 02 Tờ tường trình cùng ngày 07/12/2021 của Nguyễn Duy K và Nguyễn Duy K1 là con ruột và đang sống cùng với anh N, chị D, thống nhất với lời khai của cha mẹ, không có ý kiến và yêu cầu gì khác, đề nghị xét xử vắng mặt.

Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ, kết quả đo đạc theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 13/4/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh P, thể hiện diện tích $743,6m^2$ thuộc tờ bản đồ số 19, thửa số 211, đã được UBND huyện P cấp GCNQSDD số H02671C ngày 20/12/2005 do anh N, chị D đứng tên. Trên đất có căn nhà gạch cấp IV gắn liền mái che là tài sản của bị đơn có diện tích $80,2m^2$ tại các điểm 12, 13, 15, 39, trong đó các điểm 15, 39, 45, 44 có diện tích $68,9m^2$; các điểm 12, 13, 44, 45 có diện tích $11,3m^2$ leo qua ranh đất chưa được cấp GCN. Kết cấu căn nhà: móng cột đà bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch men, trần thạch cao, mái lợp tole, gắn liền mái che khung tiền chế bằng sắt, mái lợp tole.

Ngoài ra, trên đất còn có tài sản khác nhưng các đương sự không tranh chấp gồm: căn nhà gạch (lò áp vệt) diện tích $44,9m^2$ của nguyên đơn; căn nhà sàn gỗ, cột, kèo, đòn tay gỗ, vách gỗ, mái lợp tiplô (nhà của ông Lập, bà Dân, nguyên đơn đang ở) diện tích $103,5m^2$; một phần nhà của bà T $7,2m^2$, một phần nhà của anh T1, chị Nho $11,3m^2$.

Hội đồng định giá:

- Căn nhà gắn liền mái che: 226.571.000đ, trong đó: căn nhà 216.251.000đ + mái che 10.320.000đ;

- Giá đất: đất ở nông thôn thuộc vị trí 1 có giá 150.000đ/m², đất cây lâu năm khác thuộc vị trí 1 có giá 70.000đ/m². Tham khảo của địa phương giá thị trường đất ở từ 700.000đ/m² đến 1.000.000đ/m², đất cây lâu năm 100.000đ/m².

Tại Bản án số 01/2022/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành N, chị Phan Thị D.

- Buộc anh Nguyễn Thành Đ, chị Huỳnh Thị Thu B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Thành N, chị Phan Thị D đất ở diện tích 68,9m² tại các điểm 15, 39, 45, 44, theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 13/4/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh P lập, nằm trong diện tích 743,6m² đất ở tại nông thôn thuộc tờ bản đồ số 19, thửa số 211 tọa lạc ấp H, xã L, huyện P, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H02671C ngày 20/12/2005 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Thành N, chị Phan Thị D đứng tên;

- Giao cho anh N, chị D được quyền sở hữu căn nhà gạch cấp IV gắn liền mái che có diện tích 80,2m² tại các điểm 12, 13, 15, 39 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 13/4/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh P lập, kết cấu: căn nhà móng cột đà bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch men, trần thạch cao, mái lợp tole; mái che khung tiền chế bằng sắt, mái lợp tole. Anh Đ, chị B có nghĩa vụ liên đới giao căn nhà gạch cấp IV gắn liền mái che nêu trên cho anh N, chị D;

- Anh N, chị D có nghĩa vụ liên đới hoàn lại cho anh Đ, chị B số tiền 226.571.000đ là giá trị căn nhà gạch cấp IV gắn liền mái che nêu trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định, định giá, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/01/2022, ông Nguyễn Thành Đ kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ vụ án.

Ngày 07/02/2022, anh Nguyễn Thành Đ và chị Huỳnh Thị Thu B có đơn kháng cáo bổ sung cho rằng việc Tòa án nhân dân huyện Phú Tân trả đơn phản tố với lý do anh chị gửi đơn phản tố sau khi Tòa án đã công khai chứng cứ nhưng sau đó lại tiếp tục thu thập chứng cứ và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai và hòa giải là đã tước đi quyền yêu cầu phản tố của anh chị.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

Anh Nguyễn Thành Đ xác định anh kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân huyện Phú Tân không thụ lý yêu cầu phản tố của anh và không đưa các con của anh gồm: Nguyễn Thanh Tú, Nguyễn Thanh Tú Em, Nguyễn Trung Tín và Nguyễn Trung Tiến tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Anh Nguyễn Thành N và chị Phan Thị D đồng ý với bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự, đại diện hợp pháp của đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: ngày 07/01/2021, ông Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xem xét việc Tòa án Phú Tân không chấp nhận đơn phản tố của anh và không đưa các con vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Nhận thấy, sau khi thụ lý vụ án, ngày 10/12/2020 Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 02/02/2021 Tòa án mới nhận được đơn phản tố của anh Đ ghi ngày 29/01/2021. Nên căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án huyện Phú Tân ban hành thông báo số 15/TB-TA, ngày 10/3/2020 trả lại đơn phản tố của anh Đ là có căn cứ.

Đối với kháng cáo của anh Đ về việc không đưa các con anh vào tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án cấp sơ thẩm có thu thập các lời khai của các con anh Đ. Các con anh không có tranh chấp; tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ cũng xác nhận, căn nhà trên đất đã đóng cửa thời gian dài, gia đình anh đã dọn đến địa chỉ mới sinh sống tại tổ 13, K16, ấp H, xã L, huyện P, tỉnh An Giang; 02 người con Nguyễn Thanh Tú Em, Nguyễn Trung Tín hiện sinh sống tại phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án huyện Phú Tân không đưa các con anh Đ tham gia tố tụng là đúng quy định.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thành Đ. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: anh Nguyễn Thành Đ làm đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo của anh là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm, chị Huỳnh Thị Thu B không làm đơn kháng cáo nhưng đến ngày 07/02/2022 (quá thời hạn kháng cáo), chị với anh Đ cùng làm đơn kháng cáo bổ sung Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo bổ sung của chị Huỳnh Thị Thu B.

Tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; riêng trường hợp anh Nguyễn Thành V, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án nhận được đơn của anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1989, tự xưng là con của anh Nguyễn Thành V trình bày anh là người viết và ký tên Nguyễn Thành V trên đơn xin vắng mặt mà không thông qua anh Nguyễn Thành V. Xét “Đơn xin vắng mặt” ngày 24/3/2021 có chữ ký và chữ viết Nguyễn Thành V nhưng đơn không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận chữ ký, cũng như không được Tòa án lập biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ vừa nêu nên chưa có cơ sở chắc chắn văn bản trên do anh Nguyễn Thành V lập và để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh V, Tòa án đã triệu tập anh V hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thành V là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về kháng cáo của anh Nguyễn Thành Đ yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do không thụ lý yêu cầu phản tố của anh và không đưa các con của anh chị là vi phạm tố tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với việc cho rằng Tòa án nhân dân huyện Phú Tân không thụ lý yêu cầu phản tố của ông bà đã tước đi quyền yêu cầu pháp luật bảo vệ, Hội đồng xét xử xét thấy: ngày 12/11/2020, Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thông báo cho các đương sự về việc thụ lý vụ án về “Đòi quyền sử dụng đất” vào ngày 11/11/2020 giữa nguyên đơn anh Nguyễn Thành N, chị Phan Thị D với bị đơn anh Phan Thành Đ, chị Huỳnh Thị Thu B. Ngày 02/12/2020, Tòa án ban hành thông báo ấn định mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 10/12/2020, Tòa án đã mở phiên họp theo thông báo; đến ngày 02/02/2021, anh Nguyễn Thành Đ và chị Huỳnh Thị Thu B làm đơn phản tố nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân không thụ lý yêu cầu phản tố của anh chị là phù hợp với quy định Điều 199 và Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặt khác, do anh Nguyễn Thành Đ xác định không tranh chấp phần đất có căn nhà mà anh Nguyễn Thành N yêu cầu anh, chị Thu B tháo dỡ và phần đất này không liên quan đến phần đất mà anh Đ cho rằng nhận chuyển nhượng từ ông Trương Văn Chỏi nên không cần thiết phải giải quyết trong cùng vụ án và vì Tòa án nhân dân huyện Phú Tân không thụ lý yêu cầu của anh Đ – chị Thu B về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh N – chị D nên anh Đ – chị Thu B có quyền khiếu nại, khởi kiện trong vụ án khác theo quy định.

[2.2] Về căn cứ cho rằng không đưa các con của ông bà tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa, anh Đ và cũng là đại diện hợp pháp của chị Thu B xác định căn nhà cất trên phần đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh N – chị D và xác nhận anh chị cùng các con đã có nơi ở khác, không còn ở trong căn nhà từ lâu nên cấp sơ thẩm không đưa các con của ông bà tham gia tố tụng là có căn cứ.

Từ các phần tích trên, Hội đồng xét xử xét không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Đ – bà Thu B về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

[3] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành Đ không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành Đ.

Giữ nguyên Bản án số 01/2022/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Về án phí: ông Nguyễn Thành Đ phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004288 ngày 25/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hưng